

## 勞保給付－死亡給付常見問答（本人死亡給付）

### Trợ cấp bảo hiểm lao động – Hỏi đáp thường gặp về trợ cấp quyền lợi tử vong (chi trả quyền lợi tử vong cho người được bảo hiểm)

序號	問題	回答
1	<p>被保險人本人死亡給付的請領資格、請領順序及給付標準各如何？</p> <p>Đối tượng xin lĩnh, thứ tự xin lĩnh và tiêu chuẩn chi trả quyền lợi tử vong của người được bảo hiểm?</p>	<p>請領資格： Đối tượng xin lĩnh：</p> <p>(1)被保險人在保險有效期間死亡（或符合勞保條例第 20 條第 1 項規定，即被保險人在保險有效期間發生傷病事故，於保險效力停止後一年內因同一傷病及其引起之疾病死亡者），由支出殯葬費之人請領喪葬津貼外；被保險人遺有配偶、子女及父母、祖父母或受其扶養之孫子女或受其扶養之兄弟、姊妹者，得請領遺屬年金；被保險人於 98 年 1 月 1 日勞保年金施行前有保險年資者，亦得選擇一次請領遺屬津貼。</p> <p>(1)Người được bảo hiểm tử vong trong thời gian bảo hiểm có hiệu lực (hoặc phù hợp quy định tại Mục 1 Điều 20 Điều lệ bảo hiểm lao động, tức trường hợp người được bảo hiểm xảy ra sự cố thương tích bệnh tật trong thời gian bảo hiểm có hiệu lực, trong vòng 1 năm sau khi dừng hiệu lực bảo hiểm bị tử vong do cùng một thương tích và bệnh tật đó gây nên), ngoài việc người chi trả tiền tang lễ xin nhận lĩnh trợ cấp mai táng ra, trường hợp người được bảo hiểm có vợ/chồng, con cái và bố mẹ, ông bà hoặc con cái nhận nuôi, hoặc anh em, chị em được nhận nuôi, thì được lĩnh niên kim cho người sống; Trường hợp người được bảo hiểm có thâm niên bảo hiểm trước khi thực hiện trợ cấp bảo hiểm lao động ngày 1 tháng 1 năm 2009, cũng được lựa chọn xin lĩnh trợ cấp tuất 1 lần.</p> <p>(2)被保險人退保，於領取失能年金給付或老年年金給付期間死亡者，得請領遺屬年金。</p> <p>(2)Trường hợp người được bảo hiểm thôi đóng bảo hiểm, tử vong trong thời gian lĩnh trợ cấp niên kim thương tật hoặc niên kim tuổi già, được lĩnh niên kim cho người sống.</p> <p>(3)保險年資滿 15 年，並符合勞工保險條例第 58 條第 2 項各款所定請領老年給付資格，於未領取老年給付前死亡者，得請領遺屬年金。</p> <p>(3)Trường hợp thâm niên bảo hiểm đủ 15 năm, và phù</p>

序號	問題	回答
		<p>hợp đối tượng lĩnh trợ cấp tuổi già đã quy định tại các khoản mục 2 Điều 58 Điều lệ bảo hiểm dành cho người lao động, từ vong trước khi chưa lĩnh trợ cấp tuổi già, được xin lĩnh niên kim cho người sống.</p> <p>請領順序： Thứ tự xin lĩnh：</p> <p>(1)喪葬津貼：由支出殯葬費之人請領。 (1)trợ cấp mai táng : do người chi tiền mai táng xin lĩnh .</p> <p>(2)遺屬津貼及遺屬年金：<input type="checkbox"/>配偶及子女<input type="checkbox"/>父母<input type="checkbox"/>祖父母<input type="checkbox"/>受被保險人扶養之孫子女<input type="checkbox"/>受被保險人扶養之兄弟、姊妹。</p> <p>(2)Tiền trợ cấp tuất và niên kim cho người sống: vợ/chồng và con cái, bố mẹ, ông bà, người cháu mà người được bảo hiểm nhận nuôi..., anh em, chị em được người bảo hiểm nhận nuôi.</p> <p>※第二順序的遺屬（父母）得於法定條件下遞補請領遺屬年金，請參閱第 4.問答。 ※Người thân hàng thứ 2 (bố mẹ) được bổ sung xin lĩnh niên kim cho người sống trong điều kiện pháp luật quy định, hãy tham khảo mục hỏi đáp thứ 4.</p> <p>給付標準： Tiêu chuẩn chi trả:</p> <p>(1)喪葬津貼：按被保險人死亡當月（含）起前 6 個月平均月投保薪資發給 5 個月喪葬津貼，其遺屬不符合請領遺屬年金給付或遺屬津貼條件或無遺屬者，發給支出殯葬費用的人 10 個月喪葬津貼。 (1)Tiền trợ cấp mai táng : cấp phát tiền trợ cấp mai táng 5 tháng tiền lương đóng bảo hiểm tháng bình quân của 6 tháng trước tính từ (bao gồm) tháng người được bảo hiểm tử vong, trường hợp thân nhân của họ không phù hợp điều kiện xin lĩnh niên kim cho người sống hoặc trợ cấp tuất hoặc không có người thân, thì cấp phát 10 tháng trợ cấp mai táng cho người chi trả tiền phí mai táng.</p> <p>(2)遺屬年金： (2)Niêm kim cho người sống：</p> <p>1.被保險人在保險有效期間死亡者（或符合勞保條例第 20 條第 1 項規定者）：依被保險人之保險年資合計</p>

序號	問題	回答
		<p>每滿一年，按其平均月投保薪資之 1.55% 計算。</p> <p>1. Trường hợp người được bảo hiểm tử vong trong thời gian bảo hiểm có hiệu lực (hoặc phù hợp quy định tại mục 1 Điều 20 Điều lệ Bảo hiểm lao động): Tính gộp theo thâm niên bảo hiểm của người được bảo hiểm, cứ đủ 1 năm tính theo 1,55% tiền lương đóng bảo hiểm tháng bình quân của họ.</p> <p>2. 被保險人退保，於領取失能年金給付或老年年金給付期間死亡，或保險年資滿 15 年，並符合勞工保險條例第 58 條第 2 項各款所定請領老年給付資格，於未領取老年給付前死亡者：依失能年金或老年年金給付標準計算後金額之半數發給。</p> <p>2. Người được bảo hiểm thôi đóng bảo hiểm, tử vong trong thời gian lĩnh niên kim thương tật hoặc niên kim tuổi già, hoặc trường hợp có thâm niên đóng bảo hiểm đủ 15 năm, và phù hợp điều kiện chi trả trợ cấp tuổi già quy định tại các khoản Mục 2 Điều 58 Điều lệ bảo hiểm người lao động, tử vong vào trước khi chưa được lĩnh trợ cấp tuổi già: Cấp một nửa số tiền sau khi đã tính toán theo tiêu chuẩn chi trả niên kim thương tật hoặc niên kim tuổi già.</p> <p>3. 前述計算後之給付金額不足新臺幣 3,000 元者，按新臺幣 3,000 元發給。</p> <p>3. Trường hợp số tiền chi trả sau khi tính toán theo cách trên chưa đến 3000 Đài tệ, thì cấp phát 3000 Đài tệ.</p> <p>4. 發生職災致死亡者，除發給年金外，另加發 10 個月職災死亡補償一次金。</p> <p>4. Trường hợp tử vong do tai nạn lao động, ngoài cấp niên kim ra, còn cấp thêm 1 lần 10 tháng tiền bồi thường tử vong do tai nạn lao động.</p> <p>5. 遺屬加計：同一順序遺屬有 2 人以上時，每多 1 人加發 25%，最多加計 50%。</p> <p>Tính thêm người thân: khi người thân cùng một hàng có 2 người trở lên, cứ thêm 1 người cấp thêm 25%, tối đa tính thêm 50%.</p> <p>(3) 遺屬津貼：被保險人因普通傷病死亡，遺屬津貼按被保險人死亡當月(含)起前 6 個月平均月投保薪資發給，發給標準如下：</p> <p>Tiền trợ cấp tuất: Người được bảo hiểm Tử vong vì bệnh tật thông thường, trợ cấp tuất theo tiền lương đóng bảo hiểm tháng bình quân của 6 tháng trước tính từ (bao gồm)</p>

序號	問題	回答
		<p>tháng người được bảo hiểm tử vong, tiêu chuẩn cấp phát như sau:</p> <p>1. 保險年資合計未滿 1 年者 10 個月。 1. Trường hợp tổng cộng thâm niên bảo hiểm chưa đủ 1 năm thì cấp 10 tháng.</p> <p>2. 保險年資合計滿 1 年而未滿 2 年者 20 個月。 2. Trường hợp tổng cộng thâm niên bảo hiểm đủ 1 năm đến dưới 2 năm thì cấp 20 tháng.</p> <p>3. 保險年資合計 2 年以上者 30 個月。 3. Trường hợp tổng cộng thâm niên bảo hiểm 2 năm trở lên thì cấp 30 tháng.</p> <p>4. 被保險人因職業傷害或職業病死亡者，不論其保險年資，一律發給遺屬津貼 40 個月。 4. Trường hợp người được bảo hiểm tử vong vì tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp, thì bất kể thâm niên bảo hiểm của họ là bao lâu, đều đồng loạt cấp 40 tháng.</p> <p>遺屬年金請領條件： Điều kiện xin lĩnh niên kim cho người sống：</p> <p>(1) 配偶：符合下列情形之一。 (1) Vợ/chồng: phù hợp một trong các điều kiện dưới đây</p> <p>1. 年滿 55 歲，且婚姻關係存續一年以上。 1. Đủ 55 tuổi, và quan hệ hôn nhân liên tục 1 năm trở lên</p> <p>2. 年滿 45 歲且婚姻關係存續一年以上，且每月工作收入未超過投保薪資分級表第一級。 2. Đủ 45 tuổi và quan hệ hôn nhân liên tục 1 năm trở lên, thu nhập công việc mỗi tháng không quá cấp 1 của Bảng phân cấp tiền lương đóng bảo hiểm.</p> <p>3. 無謀生能力。 3. Không có khả năng mưu sinh</p> <p>4. 扶養下述 (2) 項之子女。 4. Nuôi dưỡng con cái ở mục 2</p> <p>(2) 子女 (養子女須有收養關係六個月以上)：符合下列情形之一。 (2) Con cái (con nuôi cần có quan hệ nhận nuôi 6 tháng trở lên): phù hợp một trong các điều kiện dưới đây.</p>

序號	問題	回答
		<p>1.未成年。2.無謀生能力。3.25歲以下，在學，且每月工作收入未超過投保薪資分級表第一級者。</p> <p>1.Chưa thành niên .2. Không có khả năng mưu sinh .3. Dưới 25 tuổi, đang đi học, và thu nhập công việc mỗi tháng không vượt quá cấp 1 Bảng phân cấp tiền lương đóng bảo hiểm.</p> <p>(3)父母及祖父母：年滿 55 歲，且每月工作收入未超過投保薪資分級表第一級者。</p> <p>(3)Bố mẹ và ông bà: đủ 55 tuổi, thu nhập công việc mỗi tháng không vượt quá cấp 1 Bảng phân cấp tiền lương đóng bảo hiểm.</p> <p>(4)孫子女：受被保險人扶養，且符合前述（2）項子女條件之一者。</p> <p>(4)Cháu: do người được bảo hiểm nuôi dưỡng, và phù hợp một trong các điều kiện về con cái tại mục (2) nói trên.</p> <p>(5)兄弟姊妹：受被保險人扶養，且符合下列條件之一。</p> <p>(5)Anh chị em: do người được bảo hiểm nuôi dưỡng, và phù hợp một trong các điều kiện dưới đây.</p> <p>1.未成年。2.無謀生能力。3.年滿 55 歲，且每月工作收入未超過投保薪資分級表第一級者。</p> <p>1.Chưa thành niên.2. Không có khả năng mưu sinh.3. Đủ 55 tuổi, và thu nhập công việc mỗi tháng không vượt quá cấp 1 trong Bảng phân cấp tiền lương đóng bảo hiểm.</p>
2	<p>申請被保險人本人死亡給付要準備哪些文件？</p> <p>Xin chi trả quyền lợi tử vong cho người được bảo hiểm cần phải chuẩn bị những giấy tờ nào？</p>	<p>喪葬津貼： Tiền trợ cấp mai táng：</p> <p>(1)勞工保險本人死亡給付申請書及給付收據。</p> <p>(1)Đơn xin chi trả quyền lợi tử vong cho người đóng bảo hiểm lao động và biên lai chi trả.</p> <p>(2)死亡證明書、檢察官相驗屍體證明書或死亡宣告判決書。</p> <p>(2)Giấy chứng tử, giấy chứng nhận khám nghiệm tử thi của kiểm sát viên hoặc bản phán quyết tuyên bố tử vong.</p> <p>(3)載有被保險人死亡日期之全戶戶籍謄本及請領人於死者死亡日期之後申請之現住址戶籍謄本(記事請勿省略)。</p> <p>(3)Bản sao sổ hộ tịch toàn hộ có ghi ngày người được bảo hiểm tử vong và bản sao sổ hộ tịch địa chỉ cư trú hiện</p>

序號	問題	回答
		<p>tại mà người xin lĩnh đã xin sau tử vong (Xin hãy lược bỏ phần ghi nội dung).</p> <p>(4)支出殯葬費之證明文件正本。但支出殯葬費之人為當序受領遺屬年金或遺屬津貼者，得以切結書代替。</p> <p>(4)Bản chính giấy chứng nhận đã chi trả phí mai táng. Nhưng trường hợp người đã chi trả phí mai táng là người theo thứ tự được nhận niên kim cho người sống hoặc tiền trợ cấp tuất, thì được thay thế bằng bản cam kết.</p> <p>遺屬津貼或遺屬年金： Tiền trợ cấp tuất hoặc niên kim cho người sống：</p> <p>(1)勞工保險本人死亡給付申請書及給付收據。 (1)Đơn xin chi trả quyền lợi tử vong cho người đóng bảo hiểm lao động và biên lai chi trả.</p> <p>(2)死亡證明書、檢察官相驗屍體證明書或死亡宣告判決書。 (2)Giấy chứng tử, giấy chứng nhận khám nghiệm tử thi của kiểm sát viên hoặc bản phán quyết tuyên bố tử vong.</p> <p>(3)載有死亡日期之被保險人全戶戶籍謄本及於死者死亡日期之後申請之請領人現住址戶籍謄本(記事請勿省略)。請領人為養子女時，戶籍謄本應載有收養及登記日期。 (3)Bản sao sổ hộ tịch toàn hộ có ghi ngày người được bảo hiểm tử vong và bản sao sổ hộ tịch địa chỉ cư trú hiện tại mà người xin lĩnh sau ngày tử vong (Xin hãy lược bỏ phần ghi nội dung). Khi người lĩnh là con nuôi, bản sao hộ tịch cần ghi ngày nhận nuôi và đăng ký.</p> <p>(4)請領遺屬給付者為未成年人或無行為能力人，檢具之申請書及給付收據，應由法定代理人副署簽章，並檢附法定代理人之戶籍謄本。 (4)Người xin lĩnh là người chưa thành niên hoặc không có năng lực hành vi, đơn xin và biên lai chi trả kèm theo cần do người đại diện pháp luật ký đóng dấu đối ứng, và kèm theo bản sao hộ tịch của người đại diện pháp luật.</p> <p>(5)以「受被保險人扶養」請領者(孫子女或兄弟姊妹)，應檢附受被保險人扶養事實之相關文件。 (5)Trường hợp người xin lĩnh với tư cách là “ người do người được bảo hiểm nuôi dưỡng” (cháu hoặc anh chị em), cần kèm theo giấy tờ liên quan chứng thực được nuôi dưỡng bởi người được bảo hiểm).</p>

序號	問題	回答
		<p>(6)外籍移工死亡，或請領人未於國內設有戶籍者，應備文件請參閱第 5 題問答之說明。申請遺屬年金者，並應每年重新檢附身分及相關證明文件送本局查核。</p> <p>(6)Lao động nước ngoài bị tử vong, hoặc người xin nhận lĩnh chưa có hộ tịch tại Đài Loan, cần tham khảo hướng dẫn tại mục hỏi đáp thứ 5 để chuẩn bị giấy tờ. Trường hợp xin tiền trợ cấp cho người sống, cần hàng năm đính kèm gửi lại giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận liên quan khác đến Cục để tra duyệt.</p> <p>(7)申請遺屬年金其他證明文件如下：</p> <p>(7)Giấy tờ chứng nhận khác dùng để xin niên kim cho người sống như sau:</p> <p>(7-1) 配偶請領遺屬年金時，戶籍謄本應載有結婚日期。</p> <p>(7-1) Khi vợ/chồng nhận lĩnh niên kim cho người sống, bản sao sổ hộ tịch cần ghi ngày kết hôn.</p> <p>(7-2) 以「在學」資格請領遺屬年金者（子女或孫子女）：應檢附在學證明或學費收據。在學證明或學費收據，應於每年 9 月底前，重新檢具送本局查核，經查核符合條件者，遺屬年金應繼續發給至翌年 8 月底止。</p> <p>(7-2) Trường hợp xin lĩnh niên kim cho người sống với tư cách “đang đi học” (con cái hoặc cháu): cần kèm theo giấy chứng nhận đang đi học hoặc biên lai học phí. Giấy chứng nhận đang đi học hoặc biên lai học phí, cần đính kèm gửi lại đến Cục để tra duyệt vào trước cuối tháng 9 hàng năm. Trường hợp tra duyệt phù hợp yêu cầu, thì niên kim cho người sống cần tiếp tục cấp đến cuối tháng 8 năm sau.</p> <p>(7-3) 以「無謀生能力」資格請領遺屬年金者：檢附重度以上身心障礙手冊或證明，或受監護宣告之證明文件。</p> <p>(7-3) Trường hợp xin lĩnh niên kim cho người sống với tư cách “không có khả năng mưu sinh”: đính kèm theo sổ tay hoặc chứng nhận khuyết tật mức độ nặng trở lên, hoặc chứng nhận tuyên bố được giám hộ.</p>
3	<p>被保險人沒有勞工保險條例規定的受益人時，可否指定受益人？如不可，喪葬津貼如何請領？</p> <p>Khi người được bảo hiểm</p>	<p>勞工保險死亡給付之遺屬津貼或遺屬年金並非遺產，應依規定之受益人順序受領，被保險人不得自行指定受益人。</p> <p>Trợ cấp mai táng hoặc tiền trợ cấp cho người sống theo diện quyền lợi tử vong cho người đóng bảo hiểm lao động</p>

序號	問題	回答
	<p>không có người thụ hưởng theo quy định tại Điều lệ bảo hiểm dành cho người lao động, có thể chỉ định người thụ hưởng không? Nếu không, thì trợ cấp mai táng lĩnh như thế nào?</p>	<p>không phải là di sản, cần nhận lĩnh theo thứ tự người hưởng lợi theo quy định, người được bảo hiểm không được tự ý chỉ định người hưởng lợi.</p> <p>被保險人死亡，遺屬不符合請領遺屬年金或遺屬津貼條件，或無遺屬者，由支出殯葬費之人檢具證明文件，請領 10 個月喪葬津貼。</p> <p>Trường hợp người được bảo hiểm tử vong, người thân còn sống của họ không phù hợp điều kiện xin niên kim cho người sống hoặc trợ cấp tuất, hoặc không có người thân còn sống, thì do người chi trả phí mai táng kèm theo giấy tờ chứng nhận liên quan, xin lĩnh 10 tháng tiền trợ cấp mai táng.</p>
4	<p>被保險人死亡，雖遺有配偶，父母可以申請遺屬給付嗎？</p> <p>Người được bảo hiểm tử vong, mặc dù còn vợ/chồng, thì bố mẹ có thể xin tiền trợ cấp dành cho người sống không?</p>	<p>勞工保險條例第 65 條第 2 項有明定請領遺屬津貼及遺屬年金之順序，有前順序受益人存在時，後順序之遺屬不得請領。</p> <p>Mục 2 Điều 65 Điều lệ bảo hiểm lao động có quy định rõ thứ tự xin lĩnh niên kim cho người sống và trợ cấp tuất, có tồn tại người hưởng lợi theo thứ tự hàng trước, thì người hàng sau không được nhận lĩnh.</p> <p>惟第一順序受益人（配偶及子女）如有下列情形之一時，第二順序之父母得請領遺屬年金給付：</p> <p>Nhưng khi người hưởng lợi hàng thứ 1 (vợ/chồng và con cái) thuộc một trong các trường hợp sau, thì bố mẹ ở hàng thứ 2 được xin nhận lĩnh niên kim cho người sống:</p> <p>(1)全部不符合請領條件。</p> <p>(1)Toàn bộ không phù hợp điều kiện nhận lĩnh</p> <p>(2)在請領遺屬年金給付期間死亡。</p> <p>(2)Tử vong trong thời gian xin niên kim cho người sống</p> <p>(3)行蹤不明或於國外。</p> <p>(3)Không rõ tung tích hoặc ở nước ngoài</p> <p>(4)提出放棄請領書。</p> <p>(4)Trình nộp đơn từ chối nhận lĩnh</p> <p>(5)於符合請領條件起一年內未提出請領者。</p> <p>(5)Trong vòng 1 năm kể từ khi phù hợp điều kiện nhận lĩnh không đề xuất xin lĩnh.</p> <p>如第一順序之遺屬主張請領或再符合請領條件時，即停止發給，並由第一順序之遺屬請領；但已發放予第二順位遺屬之年金不得請求返還，第一順序之遺屬亦</p>



序號	問題	回答
		<p>不予補發。</p> <p>Nếu người thân còn sống hàng thứ 1 chủ trương nhận lĩnh hoặc vẫn phù hợp điều kiện lĩnh, thì lập tức dừng cấp phát, chuyển sang do người thân còn sống hàng thứ 1 xin lĩnh ; nhưng số tiền trợ cấp đã cấp phát cho người thân còn sống hàng thứ 2 sẽ không được đòi lại, người thân còn sống hàng thứ 1 cũng không được cấp phát bù.</p> <p>例外情形：若配偶出具同意書敘明放棄請領遺屬津貼，則父母可以於請領時效內請領遺屬津貼。同意書應加蓋印鑑證明章，並檢附印鑑證明；或經法院或民間公證人認證。</p> <p>Trường hợp ngoại lệ: Nếu vợ/chồng nộp đơn đồng ý từ chối nhận lĩnh trợ cấp tuất, thì bố mẹ có thể xin lĩnh khoản tiền trợ cấp này trong thời hạn xin lĩnh . Đơn đồng ý cần đóng dấu chứng nhận, và kèm theo chứng nhận mẫu dấu; hoặc được tòa án hoặc công chứng viên xác nhận.</p>
5	<p>外籍移工死亡，或被保險人之遺屬未於國內設有戶籍者，應如何申請死亡給付？</p> <p>Lao động nước ngoài tử vong, hoặc người thân còn sống của người được bảo hiểm không có hộ tịch tại Đài Loan, cần xin chi trả quyền lợi tử vong như thế nào?</p>	<p>受益人親自來台請領，須檢附親屬關係證明、受益人護照、居留證影本，無居留證者，應檢附出入境許可證影本（請於影本加蓋投保單位印章，證明與正本相符）。</p> <p>Người thụ hưởng trực tiếp sang Đài Loan xin lĩnh , cần kèm theo giấy tờ chứng nhận quan hệ người thân, hộ chiếu, bản sao thẻ cư trú của người thụ hưởng, trường hợp không có thẻ cư trú, cần đính kèm bảo sao giấy phép xuất nhập cảnh (xin hãy đóng dấu của đơn vị đóng bảo hiểm tại bản sao, chứng nhận hoàn toàn đúng với bản chính).</p> <p>受益人在國外無法來台請領給付時，得由受益人擬具委託書並檢附身分證明文件、親屬關係證明，委託代領轉發，或匯入受益人在國外之帳戶。</p> <p>Khi người thụ hưởng ở nước ngoài không thể sang Đài Loan lĩnh trợ cấp, được do người thụ hưởng viết giấy ủy quyền và đính kèm giấy tờ tùy thân, giấy chứng nhận quan hệ người thân, ủy quyền đại diện chuyển giúp, hoặc chuyển vào tài khoản của người thụ hưởng tại nước ngoài.</p> <p>委託書及證明文件應包含原文及中譯本(足資辨識之死亡證明書及親屬關係證明英文文件得免附中文譯本)，送我國駐外單位驗證，若中譯本未經驗證者，應經法院或民間公證人認證；大陸或港澳地區出具之文件，須經大陸公證處公證，並經海基會或我國駐港澳台北經濟文化辦事處驗證。填寫申請書時，「申請人姓名」應填寫受益人之資料，「申請人簽章」欄位由</p>

序號	問題	回答
		<p>受委託人簽章，受委託人為投保單位時，加蓋投保單位及負責人印章。)</p> <p>Giấy ủy quyền và giấy chứng nhận cần bao gồm bản gốc và bản dịch tiếng Trung (bản tiếng Anh giấy chứng tử và giấy chứng nhận quan hệ người thân đủ để nhận biết rõ ràng thì được miễn kèm theo bản dịch tiếng Trung), gửi đến đơn vị đại diện của Đài Loan tại nước ngoài chứng thực. Trường hợp bản dịch tiếng Trung chưa được chứng thực, cần được tòa án hoặc công chứng viên xác nhận; giấy tờ của khu vực Đại Lục hoặc Ma cao Hồng Kong cần được công chứng tại phòng công chứng Đại Lục, và được Văn phòng văn hóa kinh tế Đài Bắc tại Ma Cao Hồng Kong hoặc Quỹ giao lưu hai bờ chứng thực. Khi điền đơn xin, cột “Họ tên người xin” cần điền rõ thông tin người thụ hưởng, cột “người xin ký tên đóng dấu” cần do người được ủy quyền ký tên và đóng dấu, khi người được ủy quyền là đơn vị đóng bảo hiểm, cần đóng dấu của đơn vị đóng bảo hiểm và dấu của người phụ trách đơn vị đó.</p> <p>請領遺屬年金之遺屬應每年重新檢附身分及相關證明文件送本局查核。所附身分及相關證明文件為國外、香港、澳門或大陸地區製作者，應包含中譯本，並須依規定經簽驗證手續。</p> <p>Người xin lĩnh niên kim cho người sống cần mỗi năm gửi lại giấy tờ tùy thân và giấy tờ chứng nhận liên quan khác đến Cục để tra duyệt. Trường hợp giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận liên quan khác làm tại nước ngoài, Hồng Kong, Maco và khu vực Đại Lục, cần bao gồm bản dịch tiếng Trung, và cần theo quy định làm thủ tục chứng thực.</p>
6	<p>被保險人死亡，已與配偶離婚，其子女未成年，如何請領本人死亡給付？</p> <p>Người được bảo hiểm tử vong, đã ly hôn với vợ/chồng, có con cái chưa thành niên, thì xin lĩnh quyền lợi tử vong cho bản thân như thế nào?</p>	<p>受益人尚未成年，其生父（母）如仍生存，雖業經與被保險人離婚，依法仍為受益人之法定代理人，應由其父（母）於申請書副署蓋章，並檢附法定代理人現住址戶籍謄本申領。</p> <p>Người thụ hưởng chưa thành niên, nếu bố (mẹ) đẻ của họ vẫn còn sống, thì mặc dù đã ly hôn với người được bảo hiểm, nhưng theo luật vẫn là người đại diện pháp luật của người thụ hưởng, cần do bố (mẹ) của họ ký đóng dấu đối ứng vào tờ xin, và kèm theo bản sao hộ tịch địa chỉ hiện tại của người đại diện pháp luật để xin lĩnh.</p> <p>父母均不能行使、負擔對於未成年子女之權利義務，得依民法 1094 條設置監護人。若無設置監護人，得由被保險人所屬投保單位通知本局，辦理計息存儲遺屬津貼或遺屬年金。</p>

序號	問題	回答
		<p>Trường hợp bố mẹ đều không thể thực hiện, gánh vác nghĩa vụ quyền lợi đối với con chưa thành niên, thì được bố trí người giám hộ theo Điều 1094 Luật dân sự. Nếu không bố trí được người giám hộ, thì đơn vị đóng bảo hiểm của người được bảo hiểm sẽ thông báo cho Cục, thực hiện gửi tiết kiệm tính lãi khoản tiền trợ cấp về tuất hoặc tiền trợ cấp cho người sống.</p> <p>其餘應備文件請參閱第 05102 問答之說明。 Giấy tờ cần chuẩn bị khác hãy tham khảo hướng dẫn tại mục hỏi đáp 05102.</p>
7	<p>被保險人於保險有效期間死亡，已符合請領老年給付條件，得否選擇一次請領老年給付？</p> <p>Người được bảo hiểm đã tử vong trong thời hạn bảo hiểm có hiệu lực, đã phù hợp với điều kiện xin lĩnh trợ cấp tuổi già, thì được lựa chọn lĩnh 1 lần tiền trợ cấp tuổi già hay không?</p>	<p>被保險人於保險有效期間死亡，得依勞工保險條例第 63 條、第 64 條規定請領死亡給付，惟被保險人死亡時如已符合同條例第 58 條第 2 項請領老年給付之年資或年齡條件，其當序受益人如願意放棄請領死亡給付，選擇一次請領較優之老年給付，可依請領老年給付規定辦理。</p> <p>Người được bảo hiểm bị tử vong trong thời hạn bảo hiểm có hiệu lực, được xin lĩnh trợ cấp tử vong theo quy định tại Điều 63, Điều 64 Điều lệ bảo hiểm người lao động, nhưng khi người được bảo hiểm tử vong đã phù hợp điều kiện thâm niên hoặc tuổi tác xin lĩnh trợ cấp tuổi già theo Mục 2 Điều 58 cùng điều lệ, và nếu người thụ hưởng theo thứ tự của họ đồng ý từ bỏ xin lĩnh trợ cấp tử vong, lựa chọn lĩnh 1 lần tiền trợ cấp tuổi già nhiều hơn, thì có thể thực hiện theo quy định lĩnh tiền trợ cấp tuổi già.</p>
8	<p>已領取勞工保險老年給付，再受僱實際從事工作，自願參加職業災害保險之被保險人，嗣後死亡可以請領死亡給付嗎？</p> <p>Người được bảo hiểm đã lĩnh trợ cấp tuổi già của bảo hiểm lao động, tiếp tục được tuyển dụng làm việc thực tế, tự nguyện tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, sau này tử vong có thể xin lĩnh trợ cấp tử vong không?</p>	<p>被保險人如因職業傷害或職業病而致死亡者，除由支出殯葬費之人請領喪葬津貼 5 個月外，符合資格之遺屬得選擇一次請領遺屬津貼 40 個月，或按月請領遺屬年金（選擇請領遺屬年金者，另加發 10 個月職災死亡補償一次金）。</p> <p>被保險人如因普通傷病死亡，其受益人不得請領其死亡給付。</p> <p>Trường hợp người được bảo hiểm bị chết vì tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp, thì ngoài người chi trả tiền mai táng được xin lĩnh 5 tháng trợ cấp mai táng ra, người thân còn sống đủ điều kiện còn có thể lựa chọn xin lĩnh 1 lần 40 tháng tiền trợ cấp tuất, hoặc xin lĩnh niên kim cho người sống theo tháng (trường hợp xin lĩnh niên kim cho người sống, cấp thêm 1 lần 10 tháng tiền bồi thường tử vong do tai nạn lao động).</p> <p>Người được bảo hiểm nếu tử vong vì bệnh thông thường, người thụ hưởng của họ không được xin chi trả quyền lợi tử vong của họ.</p>

序號	問題	回答
9	<p>請問何謂「婚姻關係存續一年以上」？</p> <p>Xin hỏi “Quan hệ hôn nhân tồn tại 1 năm trở lên” là như thế nào?</p>	<p>請領遺屬年金的配偶,與被保險人之婚姻關係應存續1年以上,期間之計算,是從被保險人死亡之當日往前連續推算1年。</p> <p>Vợ/chồng xin lĩnh niên kim cho người sống, cần tồn tại mối quan hệ hôn nhân với người được bảo hiểm 1 năm trở lên, thời gian là liên tục 1 năm tính từ ngày người được bảo hiểm tử vong về trước.</p>
10	<p>遺屬年金的申請和發給,是不是和其他年金一樣?</p> <p>Việc xin và cấp niên kim cho người sống giống với niên kim khác không?</p>	<p>不一樣。勞保失能及老年年金,是從申請的當月起按月發給,但是符合遺屬年金資格條件的受益人,可以從提出請領之日起追溯補發5年內得領取的給付。</p> <p>Không giống. Niên kim thương tật và niên kim tuổi già, là cấp theo tháng kể từ tháng xin, nhưng người thụ hưởng phù hợp điều kiện niên kim cho người sống, có thể truy cấp bù tiền trợ cấp được lĩnh trong vòng 5 năm kể từ ngày xin.</p>
11	<p>遺屬年金也是領到終生嗎?</p> <p>Niên kim cho người sống cũng được lĩnh trọn đời phải không?</p>	<p>不一定。不同身分之遺屬有不同之請領條件,於符合請領條件時,始得核發年金給付。遺屬一旦喪失資格條件(如因案羈押或拘禁、失蹤、配偶再婚、子女已成年並未在學),本局即自事實發生之次月起停止發給遺屬年金。</p> <p>Chưa chắc, người còn sống thuộc đối tượng khác nhau thì có điều kiện xin lĩnh nhận khác nhau. Khi phù hợp điều kiện xin lĩnh, mới được duyệt cấp phát niên kim. Người còn sống một khi đã mất đi điều kiện lĩnh nhận (ví dụ như bị tạm giam hoặc bắt giữ, mất tích, vợ/chồng tái hôn, con cái đã thành niên hoặc không còn đi học nữa), thì Cục sẽ dừng cấp niên kim cho người sống kể từ tháng sau của tháng phát sinh sự việc.</p>
12	<p>申請喪葬津貼或遺屬年金(津貼)有2人以上時,該怎麼領?如果協議不成的時候,勞保局會如何發給?</p> <p>Khi xin trợ cấp mai táng hoặc niên kim cho người sống (trợ cấp tuất) có 2 người trở lên, cần lĩnh thế nào? Nếu thỏa thuận bất thành, thì Cục bảo hiểm lao động sẽ cấp phát như thế nào?</p>	<p>申請喪葬津貼或遺屬年金(津貼)有2人以上時,應共同具領,未共同具領或本局核定前另外又有人提出申請,本局會以書面通知申請人於30日內完成協議;無法協議者,喪葬津貼或遺屬年金(津貼)按總給付金額平均發給。</p> <p>Khi xin trợ cấp mai táng hoặc niên kim cho người sống (trợ cấp tuất) có 2 người trở lên, cần cùng xin lĩnh nhận, trường hợp không cùng xin lĩnh nhận hoặc trước khi Cục xét duyệt lại có người khác xin lĩnh nhận, thì Cục sẽ thông báo bằng văn bản cho những người xin lĩnh trong vòng 30 ngày hoàn thành thỏa thuận với nhau. Trường hợp không thể thỏa thuận, trợ cấp tiền mai táng hoặc niên kim cho người sống (trợ cấp tuất) sẽ cấp phát bình quân theo tổng số tiền trợ cấp.</p>
13	<p>在同一個順序的遺屬有人要領遺屬年金,有人要領遺屬津貼,請問該怎麼辦?</p> <p>Người thân còn sống cùng thứ</p>	<p>本局會以書面通知請領人於30日內完成協議;未能完成協議,本局就直接發給遺屬年金。</p> <p>Cục sẽ thông báo bằng văn bản cho người xin lĩnh nhận trong vòng 30 ngày hoàn thành thỏa thuận; Nếu không</p>

序號	問題	回答
	tự có người muốn nhận niên kim cho người sống, có người muốn nhận trợ cấp tuất, thì làm thế nào?	thể hoàn thành thỏa thuận, Cục sẽ trực tiếp cấp phát niên kim cho người sống.
1 4	在領取老年年金期間死亡，也可以請領喪葬津貼嗎？ Khi tử vong trong thời gian lĩnh nhận niên kim tuổi già, cũng có thể xin lĩnh trợ cấp mai táng không?	不可以。 Không được
1 5	被保險人經評估為終身無工作能力，領取失能給付並經勞保局依法逕予退保，於保險效力終止後一年內，因加保有效期間發生之同一傷病及其引起之疾病死亡，還能請領死亡給付嗎？ Người được bảo hiểm sau khi được đánh giá là mất khả năng lao động suốt đời, được lĩnh nhận trợ cấp thương tật và được Cục bảo hiểm lao động cho phép thôi đóng bảo hiểm theo quy định pháp luật, song trong vòng 1 năm sau khi dừng hiệu lực bảo hiểm, bị tử vong bởi cùng thương tích hoặc bệnh tật xảy ra trong thời gian bảo hiểm còn hiệu lực, thì có thể xin lĩnh trợ cấp tử vong không?	被保險人如係領取勞保失能年金期間死亡，遺屬得依勞工保險條例第 63 條之 1 第 1 項規定請領遺屬年金給付，或一次請領失能給付扣除已領年金給付總額之差額。 Người được bảo hiểm nếu tử vong trong thời gian lĩnh nhận niên kim thương tật của bảo hiểm lao động, thì người thân còn sống được căn cứ quy định tại Mục 1 Điều 63-1 của Điều lệ bảo hiểm lao động xin lĩnh trợ cấp niên kim cho người sống, hoặc xin lĩnh một lần khoản tiền còn lại của tiền trợ cấp thương tật sau khi đã trừ đi tổng số trợ cấp niên kim đã lĩnh.  如被保險人係一次請領失能給付後死亡，因保險效力已終止，不得再請領勞保被保險人本人死亡給付。 Nếu người được bảo hiểm tử vong sau khi xin lĩnh trợ cấp thương tật một lần, vì hiệu lực bảo hiểm đã chấm dứt, nên không được xin lĩnh trợ cấp tử vong của người được bảo hiểm nữa.
1 6	遺屬年金給付每月匯入國外帳戶時要扣手續費，勞保局可以少扣一點嗎？ Khi niên kim cho người sống được chuyển vào tài khoản nước ngoài mỗi tháng cần khấu trừ phí dịch vụ, Cục Bảo hiểm lao động có thể khấu trừ bớt đi được không?	依照勞工保險條例施行細則第 48 條規定，保險給付應逕匯入受益人之帳戶。遺屬年金之請領人如未在國內設有戶籍及銀行帳戶，可向本局申請按半年發給，以減少每月國際匯款手續費之負擔。 Theo quy định tại Điều 48 Quy tắc chi tiết thực thi điều lệ, chi trả bảo hiểm cần chuyển vào tài khoản của người thụ hưởng. Người xin lĩnh niên kim cho người sống nếu không có hộ tịch và tài khoản ngân hàng trong nước, có thể xin cấp nửa năm một lần tại Cục để giảm thiểu chi phí chuyển khoản quốc tế mỗi tháng.
1 7	勞保被保險人退保後，於參加國民年金保險有效期間請領身心障礙年金給付併計勞保年資，其復於勞保退保後一年內死亡並符合勞保條例	其遺屬依勞保條例第 63 條選擇一次請領遺屬津貼時，應扣除前併計勞工保險年資給付總額後，發給遺屬津貼之差額。 Người thân còn sống của họ căn cứ vào Điều 63 Điều lệ bảo hiểm lao động lựa chọn lĩnh nhận 1 lần trợ cấp tuất,

序號	問題	回答
	<p>第 20 條規定，勞保死亡給付應如何發給？</p> <p>Sau khi người được bảo hiểm lao động thôi tham gia bảo hiểm, trong thời gian còn hiệu lực tham gia bảo hiểm niên kim quốc dân xin lĩnh gộp trợ cấp niên kim khuyết tật với trợ cấp thâm niên bảo hiểm lao động, song người đó bị tử vong trong vòng 1 năm sau khi thôi tham gia bảo hiểm lao động và phù hợp quy định Điều 20 Điều lệ bảo hiểm lao động, thì trợ cấp tử vong của bảo hiểm lao động sẽ được cấp như thế nào?</p>	<p>cần phát số tiền trợ cấp tuất còn lại sau khi đã khấu trừ tổng số tiền trợ cấp thâm niên bảo hiểm lao động đã gộp tính trước đây.</p> <p>如遺屬依勞保條例第 63 條選擇請領遺屬年金時，應俟併計勞工保險年資給付總額扣減完畢後，始得發給遺屬年金。</p> <p>Nếu người thân còn sống lựa chọn xin lĩnh niên kim cho người sống theo điều 63 Điều lệ bảo hiểm lao động, cần sau khi khấu trừ hoàn tất tổng số tiền trợ cấp thâm niên bảo hiểm lao động đã gộp tính mới được cấp phát niên kim cho người sống.</p> <p>如遺屬已領取國民年金保險之喪葬給付，不得再依勞保條例第 63 條請領被保險人本人死亡喪葬津貼。</p> <p>Nếu người còn sống đã lĩnh nhận trợ cấp mai táng của bảo hiểm niên kim quốc dân, không được xin lĩnh trợ cấp mai táng cho người được bảo hiểm tử vong theo Điều 63 Điều lệ bảo hiểm lao động nữa.</p>
1 8	<p>被保險人因重度失能，是否不論領取失能給付一次金或失能年金給付，日後死亡均不得再行請領死亡給付？</p> <p>Người được bảo hiểm vì thương tật nặng, bất kể đã lĩnh tiền trợ cấp thương tật một lần hoặc trợ cấp niên kim thương tật hay chưa, sau này tử vong đều không được xin trợ cấp tử vong nữa ?</p>	<p>被保險人失能程度符合失能給付標準附表之失能狀態中列有「終身無工作能力」，被保險人如選擇一次請領失能給付(98 年 1 月 1 日前有保險年資)，日後死亡時，其受益人不得再行請領遺屬年金或遺屬津貼；被保險人如選擇領取失能年金給付，日後死亡時，則得由其受益人選擇請領遺屬年金或一次請領失能給付扣除已領失能年金給付總額之差額。</p> <p>Mức độ thương tật của người được bảo hiểm phù hợp với “Mất khả năng lao động suốt đời” liệt kê trong nội dung trạng thái thương tật đính kèm trong Tiêu chuẩn trợ cấp thương tật, người được bảo hiểm nếu chọn lĩnh nhận trợ cấp thương tật 1 lần (có thâm niên bảo hiểm trước ngày 1 tháng 1 năm 2009), sau này khi tử vong, thì người thụ hưởng của họ không được tiếp tục xin niên kim cho người sống hoặc tiền trợ cấp tuất nữa; Người được bảo hiểm nếu lựa chọn lĩnh trợ cấp niên kim thương tật, sau này khi tử vong thì người thụ hưởng của họ được lựa chọn niên kim cho người sống hoặc khoản tiền còn lại của số tiền trợ cấp thương tật xin lĩnh 1 lần sau khi đã trừ tổng số tiền niên kim thương tật đã lĩnh.</p>
1 9	<p>祇要是遺屬都可以請領遺屬年金嗎？</p> <p>Chỉ cần là người thân còn sống đều có thể xin lĩnh niên kim cho người sống phải không?</p>	<p>遺屬年金的意義是在於長期照顧被保險人遺屬的生活，所以不是每位家屬都可領的，一定要符合遺屬的資格喔！</p> <p>Ý nghĩa của niên kim cho người sống chính là chăm sóc lâu dài cuộc sống thân nhân của người được bảo hiểm, do đó không phải mỗi người thân đều có thể lĩnh, nhất định phải phù hợp điều kiện của người thân nhé !</p>

序號	問題	回答
		<p>首先您要知道－「遺屬順位」： Trước tiên bạn phải biết –“Thứ tự người thân”：</p> <p>(1)配偶及子女。(2) 父母。(3) 祖父母。(4) 受扶養之孫子女。(5) 受扶養之兄弟、姊妹。 (1)Vợ chồng và con cái (2) bố mẹ (3) Ông bà (4) cháu được nhận nuôi (5) anh em trai, chị em gái được nhận nuôi.</p> <p>接著您要符合－「遺屬資格」： Tiếp theo bạn phải phù hợp “Điều kiện người thân”:</p> <p>(1)配偶要符合下列情形之一： (1)Vợ/chồng phải phù hợp một trong các điều kiện dưới đây:</p> <p>A.年滿 55 歲，且婚姻關係存續 1 年以上。但是如果您是無謀生能力或有扶養（未成年、無謀生能力或是 25 歲以下，在學，且每月工作收入未超過投保薪資分級表第一級）之子女，就不在此限。 A.Đủ 55 tuổi, quan hệ hôn nhân liên tục 1 năm trở lên. Nhưng nếu bạn không có khả năng mưu sinh hoặc có nuôi dưỡng con cái (chưa thành niên, không có khả năng mưu sinh hoặc 25 tuổi trở xuống, đang đi học, và thu nhập công việc mỗi tháng không vượt quá cấp 1 trong Bảng phân cấp tiền lương đóng bảo hiểm) thì không bị giới hạn này.</p> <p>B.年滿 45 歲，婚姻關係存續 1 年以上，且每月工作收入未超過投保薪資分級表第一級。 B.Đủ 45 tuổi, quan hệ hôn nhân liên tục 1 năm trở lên, và thu nhập công việc mỗi tháng không vượt quá cấp 1 trong Bảng phân cấp tiền lương đóng bảo hiểm.</p> <p>(2)子女要符合下列情形之一： (2)Con cái cần phù hợp một trong các điều kiện dưới đây:</p> <p>未成年。無謀生能力。25 歲以下，在學，且每月工作收入未超過投保薪資分級表第一級。 Chưa thành niên, không có khả năng mưu sinh, 25 tuổi trở xuống, đang đi học, và thu nhập công việc mỗi tháng không vượt quá cấp 1 trong Bảng phân cấp tiền lương đóng bảo hiểm.</p> <p>(3) 其他如祖父母、孫子女或兄弟姊妹也要符合勞保</p>

序號	問題	回答
		<p>條例第 63 條所定的資格條件喔！            (3)Điều kiện khác như ông bà, cháu hoặc anh chị em cũng phù hợp điều kiện đã quy định tại Điều 63 Điều lệ bảo hiểm lao động nhé !</p>
20	<p>什麼情形才可以請領遺屬年金？            Trong trường hợp nào mới có thể xin lĩnh niên kim cho người sống ?</p>	<p>有下列情形時，符合條件之遺屬才可以請領遺屬年金。            Khi thuộc trường hợp dưới đây, người thân phù hợp điều kiện mới có thể xin lĩnh niên kim cho người sống.</p> <p>被保險人在加保期間死亡者。            Trường hợp người được bảo hiểm tử vong trong thời gian đóng bảo hiểm</p> <p>被保險人退保，於領取老年年金或失能年金期間死亡者。            Trường hợp người được bảo hiểm thôi đóng bảo hiểm, bị tử vong trong thời gian lĩnh nhận niên kim tuổi già hoặc niên kim thương tật.</p> <p>被保險人保險年資滿 15 年，並符合舊制老年給付條件，於未領取老年給付前死亡者。            Trường hợp người được bảo hiểm có thâm niên đóng bảo hiểm đủ 15 năm, và phù hợp điều kiện trợ cấp tuổi già cũ, tử vong trước khi lĩnh trợ cấp tuổi già.</p>
21	<p>被保險人在加保期間死亡，勞保遺屬年金如何計算？            Người được bảo hiểm tử vong trong thời gian đóng bảo hiểm, niên kim cho người sống của bảo hiểm lao động sẽ tính như thế nào?</p>	<p>給付標準如下：            Tiêu chuẩn trợ cấp như sau：</p> <p>(1)平均月投保薪資×年資×1.55%。            (1)Tiền lương đóng bảo hiểm tháng bình quân x thâm niên x 1,55%</p> <p>(2)最低保障 3,000 元。            (2)Phạm vi bảo hiểm tối thiểu 3000 Đài tệ</p> <p>(3)同一順序遺屬有 2 人以上時，每多 1 人加發 25%，最多加計 50%。            (3)Khi người thân cùng hàng có 2 người trở lên, cứ thêm 1 người cấp thêm 25%, tối đa tính thêm 50%.</p> <p>(4)如果是發生職災致死亡者，除了發給年金外，另加發 10 個月「職災死亡補償一次金」。            (4)Trường hợp xảy ra tai nạn lao động dẫn đến tử vong, ngoài cấp niên kim ra, còn cấp thêm 10 tháng “ Tiền bồi thường tử vong do tai nạn lao động 1 lần”.</p> <p>舉例(1)：李先生在保險有效期間死亡，保險年資 25</p>



序號	問題	回答
		<p>年又 3 個多月，平均月投保薪資 32,000 元。</p> <p>Ví dụ (1): Ông Lý tử vong trong thời hạn bảo hiểm có hiệu lực, thâm niên đóng bảo hiểm 25 năm và hơn 3 tháng, tiền lương đóng bảo hiểm bình quân tháng là 32000 Đài tệ.</p> <p>※每月遺屬年金金額：<math>32,000 \times (25+4/12) \times 1.55\% = 12,564</math> 元。</p> <p>※Số tiền niên kim cho người sống mỗi tháng: <math>32,000 \times (25+4/12) \times 1.55\% = 12,564</math> Đài tệ</p> <p>※如其為職災事故，再加發：<math>32,000 \times 10</math> 個月 = 32 萬元。</p> <p>※Nếu là tai nạn nghề nghiệp, cấp thêm: <math>32,000 \times 10</math> tháng = 32 vạn Đài tệ.</p> <p>舉例 (2): 上例李先生如遺有配偶及 2 名子女。</p> <p>Ví dụ 2: Trường hợp ông Lý trên đây, nếu còn vợ và 2 con</p> <p>※每月遺屬年金金額：<math>32,000 \times (25+4/12) \times 1.55\% \times (1+25\% \times 2) = 18,846</math> 元。</p> <p>※Số tiền niên kim cho người sống mỗi tháng: <math>32,000 \times (25+4/12) \times 1.55\% \times (1+25\% \times 2) = 18,846</math> Đài tệ</p>
2 2	<p>非加保期間死亡，勞保遺屬年金如何計算？</p> <p>Tử vong ngoài thời gian tham gia bảo hiểm, thì niên kim cho người sống của bảo hiểm lao động được tính như thế nào?</p>	<p>如果是「被保險人退保，於領取老年年金或失能年金期間死亡」或「被保險人保險年資滿 15 年，並符合舊制老年給付條件，於未領取老年給付前死亡」二種情形者，符合條件之遺屬也可以請領遺屬年金。</p> <p>Hai trường hợp nếu là “Người được bảo hiểm thôi tham gia bảo hiểm, tử vong trong thời gian lĩnh niên kim tuổi già hoặc niên kim thương tật” hoặc “Thâm niên bảo hiểm của người được bảo hiểm đủ 15 năm, và phù hợp điều kiện trợ cấp tuổi già cũ, tử vong trước khi lĩnh trợ cấp tuổi già”, thì người thân còn sống phù hợp điều kiện cũng có thể xin lĩnh niên kim cho người sống.</p> <p>給付標準如下： Điều kiện trợ cấp như sau:</p> <p>(1)依失能年金或老年年金給付標準計算後金額×50%。</p> <p>(1)Số tiền sau khi tính toán theo tiêu chuẩn trợ cấp niên kim thương tật hoặc niên kim tuổi già x 50%</p> <p>(2)最低保障 3,000 元。</p>

序號	問題	回答
		<p>(2) Phạm vi bảo hiểm tối thiểu 3000 Đài tệ</p> <p>(3) 同一順序遺屬有 2 人以上時，每多 1 人加發 25%，最多加計 50%。</p> <p>(3) Khi người thân cùng hàng có 2 người trở lên, cứ thêm 1 người cấp thêm 25%, tối đa tính thêm 50%.</p> <p>舉例 (1)：周先生在領取老年年金期間死亡，保險年資 25 年又 3 個多月，平均月投保薪資 32,000 元。</p> <p>Ví dụ(1): Ông Chu tử vong trong thời gian lĩnh niên kim tuổi già, thâm niên bảo hiểm 25 năm và hơn 3 tháng, tiền lương đóng bảo hiểm tháng bình quân 32,000 Đài tệ</p> <p>※原領每月老年年金金額：32,000×(25+4/12)×1.55% = 12,564 元。</p> <p>※Ban đầu số tiền niên kim tuổi già mỗi tháng: 32,000×(25+4/12)×1.55% = 12,564 Đài tệ</p> <p>→改領每月遺屬年金金額：12,564×50% = 6,282 元。</p> <p>→Chuyển sang lĩnh số tiền niên kim cho người sống mỗi tháng: 12,564×50% = 6,282 Đài tệ</p> <p>舉例 (2)：上例周先生在領取老年年金期間死亡，遺有配偶及 2 名子女。</p> <p>Ví dụ (2): Trường hợp ông Chu trên đây tử vong trong thời gian nhận niên kim tuổi già, ông còn vợ và 2 con</p> <p>※每月年金金額：6,282 ×(1 + 25%×2) = 9,423 元。</p> <p>※Số tiền niên kim mỗi tháng: 6,282 ×(1 + 25%×2) = 9,423 Đài tệ</p>